

ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG

CHUYÊN ĐỀ

**KỶ LUẬT CỦA ĐẢNG VÀ THI HÀNH
KỶ LUẬT TRONG ĐẢNG**

MỤC LỤC

A. THÔNG TIN CHUNG	3
B. NỘI DUNG CHUYÊN ĐỀ	4
I. KỸ LUẬT CỦA ĐẢNG.....	4
1. Khái niệm.....	4
2. Mục đích, ý nghĩa, tính chất kỹ luật đảng	4
II. THI HÀNH KỸ LUẬT TRONG ĐẢNG	8
1. Khái niệm thi hành kỹ luật trong Đảng.....	8
2. Phương châm thi hành kỹ luật trong Đảng.....	9
3. Nguyên tắc thi hành kỹ luật trong Đảng.....	11
4. Thẩm quyền thi hành kỹ luật đảng	13
5. Trình tự xem xét, quyết định thi hành kỹ luật.....	20
6. Trình tự, thủ tục cách thức bỏ phiếu, thi hành kỹ luật	21
7. Quy trình thi hành kỹ luật tổ chức đảng, đảng viên.....	23
8. Hiệu lực quyết định kỹ luật.....	28
9. Kỹ luật đối với đảng viên vi phạm pháp luật	29
10. Việc thi hành kỹ luật đảng trong một số trường hợp cụ thể.....	29
11. Một số vi phạm điển hình qua kết quả thi hành kỹ luật đảng.....	31
12. Một số hạn chế trong thực hiện nhiệm vụ thi hành kỹ luật	33
C. CHẾ ĐỘ LẬP VÀ QUẢN LÝ HỒ SƠ	34
D. THẢO LUẬN, THỰC HÀNH.....	34
E. TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	35

CHUYÊN ĐỀ

KỶ LUẬT CỦA ĐẢNG VÀ THI HÀNH KỶ LUẬT TRONG ĐẢNG

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Đối tượng bồi dưỡng: Cán bộ UBKT, cơ quan UBKT cấp tỉnh, cấp xã.

2. Thời lượng: Tổng số 08 tiết (360 phút), gồm: Lý thuyết: 05 tiết (225 phút); Thảo luận: 02 tiết (90 phút); Báo cáo thực tế: 01 tiết (45 phút).

3. Mục tiêu

3.1. Mục tiêu chung

Trang bị cho cán bộ kiểm tra, cấp ủy viên các cấp những kiến thức cơ bản về kỷ luật của Đảng và thi hành kỷ luật trong Đảng; nắm vững cách thức, trình tự, thủ tục, tiến hành một vụ xem xét, thi hành kỷ luật đảng do tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp có thẩm quyền thực hiện; nhận diện một số hạn chế, thiếu sót của cán bộ kiểm tra, tổ chức đảng khi xem xét, thi hành kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm.

3.2. Mục tiêu cụ thể

- Về kiến thức: Trang bị, cập nhật, nâng cao cho học viên những kiến thức chung, cơ bản và nâng cao về kỷ luật của Đảng và thi hành kỷ luật trong Đảng

- Về kỹ năng: Giúp cán bộ kiểm tra, cấp ủy viên các cấp biết vận dụng kiến thức về kỷ luật của Đảng và thi hành kỷ luật trong Đảng để tham mưu hoặc chỉ đạo thực hiện các bước tiến hành một vụ xem xét, thi hành kỷ luật đảng: báo cáo đề xuất thành lập đoàn (tổ) kiểm tra xem xét, thi hành kỷ luật đảng; ban hành quyết định, kế hoạch xem xét, thi hành kỷ luật đảng; thẩm tra, xác minh; kiểm điểm, đề nghị hình thức kỷ luật; báo cáo kết quả xem xét, đề nghị thi hành kỷ luật; công bố quyết định kỷ luật; lập và lưu trữ hồ sơ.

- Về phẩm chất, thái độ: Nâng cao phẩm chất, tinh thần trách nhiệm của cán bộ kiểm tra, cấp ủy viên các cấp trong việc chấp hành những quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, kỷ luật của Đảng; khi xem xét, thi hành kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm đảm bảo đúng nguyên tắc, thẩm quyền, quy trình theo quy định của Đảng.

4. Phương pháp giảng dạy, học tập

- Trong quá trình giảng dạy, giảng viên cần có những dẫn chứng, những ví dụ về một số vụ việc cụ thể để học viên hiểu kỹ hơn các nội dung trong chuyên đề.

- Sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực, lấy học viên làm trung tâm kết hợp với việc sử dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy.

- Tăng cường thảo luận và giải quyết tình huống để học viên cùng học tập, rèn luyện, rút ra kinh nghiệm sau mỗi chuyên đề. Trong thảo luận trên lớp, giảng viên đóng vai trò hướng dẫn, gợi ý nhằm phát huy kinh nghiệm thực tế và khả năng giải quyết vấn đề của học viên; định hướng và kiểm soát đề nội dung thảo luận bám sát mục tiêu bồi dưỡng.

B. NỘI DUNG CHUYÊN ĐỀ

I. KỶ LUẬT CỦA ĐẢNG

1. Khái niệm

Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng cầm quyền lãnh đạo cả hệ thống chính trị, có một tổ chức chặt chẽ, với những quy định chung của Đảng như Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, các nghị quyết, chỉ thị của Đảng... và những quy định cụ thể như Quy định thi hành Điều lệ Đảng, Quy định về những điều đảng viên không được làm, Quy định nêu gương, quy chế làm việc, kết luận... buộc tổ chức đảng, đảng viên phải tuân theo.

Do đó, kỷ luật của Đảng là tổng thể những điều đã được quy định trong quy định chung, quy định cụ thể có tính chất bắt buộc đối với mọi hoạt động của tổ chức đảng (bao gồm Ban Chỉ đạo, Tổ giúp việc, Bộ phận Thường trực... do tổ chức đảng thành lập) và đảng viên nhằm bảo đảm sự thống nhất về chính trị, tư tưởng, tổ chức trong toàn Đảng.

2. Mục đích, ý nghĩa, tính chất kỷ luật đảng

2.1. Mục đích kỷ luật đảng

Đảng điều chỉnh hoạt động của các tổ chức đảng và đảng viên bằng Điều lệ, kỷ luật của Đảng. Kỷ luật đảng chặt chẽ thì tổ chức đảng vững mạnh. Kỷ luật đảng gắn liền với tổ chức, bảo đảm cho tổ chức đảng tồn tại, hoạt động và phát triển, tạo môi trường làm việc lành mạnh, phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của đảng viên, củng cố, tăng cường niềm tin của nhân dân với Đảng, ngăn ngừa suy thoái, tiêu cực.

Kỷ luật của Đảng có tầm quan trọng đặc biệt trong thực hiện nhiệm vụ chính trị và xây dựng Đảng, bảo đảm cho sự tồn tại, hoạt động và phát triển của Đảng. Mọi biểu hiện coi thường kỷ luật của Đảng, tự đặt mình lên trên tổ chức, ra ngoài tổ chức và những hành động vi phạm kỷ luật của Đảng, dù nhỏ, đều ảnh hưởng đến uy tín và làm suy yếu sức chiến đấu của Đảng.

2.2. Ý nghĩa kỷ luật của Đảng

Đảng ta lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm kim chỉ nam cho hoạt động của mình, là một tổ chức chặt chẽ, thống nhất ý chí và hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản, do đó vấn đề tổ chức, kỷ luật có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, nhất là trong điều kiện Đảng ta đang lãnh đạo công cuộc đổi mới đất nước, đưa dân tộc bước vào kỷ nguyên vươn mình..., bên cạnh những thời cơ, thuận lợi, cũng đang có những thách thức, nguy cơ.

Kỷ luật của Đảng có ý nghĩa duy trì sự thống nhất và đoàn kết, tạo sự thống nhất trong ý chí và hành động, ngăn chặn các biểu hiện chia rẽ, bè phái, giúp các tổ chức đảng và đảng viên tuân thủ các quy định, quy chế, nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng; tăng cường sức chiến đấu của Đảng, giúp nâng cao năng lực lãnh đạo, bảo đảm Đảng luôn là một tổ chức chặt chẽ, vững mạnh. Kỷ luật của Đảng không chỉ là xử lý vi phạm mà còn là biện pháp giáo dục, răn đe, cảnh tỉnh, ngăn ngừa các vi phạm, góp phần xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh.

Do đó, tăng cường kỷ luật của Đảng là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của mọi tổ chức đảng và đảng viên để nâng cao tính đảng, tính giai cấp, giữ vững kỷ cương của Đảng. Tăng cường kỷ luật không có nghĩa là phải thi hành kỷ luật cho nhiều, cho nặng mà chủ yếu là phải thường xuyên giáo dục, nâng cao giác ngộ chính trị, giác ngộ giai cấp, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm để các tổ chức đảng và đảng viên nghiêm túc, tự giác chấp hành kỷ luật của Đảng.

2.3. Tính chất kỷ luật của Đảng

Bắt nguồn từ bản chất giai cấp của Đảng, nên "Kỷ luật của ta là kỷ luật sắt, nghĩa là nghiêm túc và tự giác".

2.3.1. Nghiêm túc

Nghiêm túc là tất cả tổ chức đảng và đảng viên đều phải phục tùng kỷ luật của Đảng, phải chấp hành các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt của Đảng, đặc biệt là nguyên tắc tập trung dân chủ. Toàn Đảng phải triệu người như một, tuyệt đối không ai được bằng bất cứ cách nào, dưới bất cứ hình thức gì truyền bá những quan điểm trái với quan điểm của Đảng. Đảng tôn trọng quyền bảo lưu ý kiến của thiểu số, song mọi đảng viên đều phải nói và làm theo nghị quyết của Đảng, ai vi phạm đều phải được xem xét, nếu cần thiết, phải bị thi hành kỷ luật. Đảng yêu cầu mọi tổ chức đảng và đảng viên phải chấp hành kỷ luật đảng vô điều kiện. Đảng không giảm bớt yêu cầu đối với ai, không ai được coi là ngoại lệ, không có "vùng cấm" trong hoạt động của Đảng.

2.3.2. Tự giác

Tự giác là đặc trưng cơ bản của kỷ luật đảng. Vì Đảng ta bao gồm những người

thừa nhận và tự nguyện phấn đấu, thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, lấy việc phấn đấu cho mục đích, lý tưởng của Đảng, lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân làm lẽ sống của mình. Mọi đảng viên đều ý thức sâu sắc rằng, giữ gìn kỷ luật của Đảng, giữ gìn sự thống nhất ý chí và hành động của Đảng như giữ gìn con người của mắt mình, nên dù trong lĩnh vực hoạt động nào, trong điều kiện, hoàn cảnh nào, càng khó khăn, phức tạp, càng phải đề cao tinh thần tự giác chấp hành kỷ luật của Đảng.

Song, chỉ có tự giác thì chưa đủ mà còn phải có bắt buộc. Bắt buộc là nhân tố tất yếu phải có đối với bất kỳ kỷ luật của tổ chức nào. Nhưng bắt buộc trong kỷ luật của Đảng được xây dựng trên cơ sở giác ngộ chính trị, giác ngộ giai cấp của tất cả đảng viên; giác ngộ càng cao, nhân tố bắt buộc càng trở thành tự giác.

2.3.3. Tính nghiêm túc và tự giác của kỷ luật đảng là sự thống nhất biện chứng giữa hai mặt tập trung và dân chủ, bắt buộc và tự giác. Nghiêm túc phải trên cơ sở tự giác, tự giác càng cao thì kỷ luật càng nghiêm túc. Sự thống nhất và kết hợp giữa nghiêm túc và tự giác là điều kiện bảo đảm cho kỷ luật đảng thực sự là kỷ luật sắt.

2.4. Nội dung kỷ luật của Đảng

Nội dung kỷ luật của Đảng bao gồm Kỷ luật nội bộ Đảng, Kỷ luật về mặt Nhà nước, Kỷ luật của đoàn thể chính trị - xã hội:

2.4.1. Kỷ luật nội bộ Đảng

- Cương lĩnh chính trị của Đảng định hướng về đường lối, quan điểm, chính sách, hệ thống chính trị và vai trò lãnh đạo của Đảng để xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Mọi tổ chức đảng và đảng viên phải chấp hành nghiêm chỉnh Cương lĩnh chính trị của Đảng. Làm trái Cương lĩnh chính trị là vi phạm kỷ luật đảng.

- Điều lệ Đảng là “bộ luật” chung của toàn Đảng, quy định mục đích của Đảng; các nguyên tắc cơ bản về xây dựng Đảng; nguyên tắc tổ chức và hệ thống tổ chức của Đảng; nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức đảng và đảng viên; sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; việc khen thưởng và kỷ luật đảng, v.v.. Toàn bộ công tác lãnh đạo của Đảng, công tác xây dựng Đảng phải được tiến hành trên cơ sở các quy định của Điều lệ Đảng. Vi phạm Điều lệ Đảng là vi phạm kỷ luật đảng.

- Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng còn được thể hiện và quán triệt trong các nghị quyết đại hội đảng ở các cấp, được cụ thể hoá thành nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế, quyết định, kết luận của các tổ chức đảng. Mọi tổ chức đảng và đảng viên phải chấp hành nghiêm chỉnh nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế, quyết định,

kết luận, hướng dẫn của Đảng; vi phạm trong việc chấp hành nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế, quyết định, kết luận, hướng dẫn của Đảng là vi phạm kỷ luật đảng.

2.4.2. Kỷ luật về mặt Nhà nước

Đường lối, quan điểm, chính sách, nghị quyết, chỉ thị... của Đảng được thể chế hoá thành Hiến pháp, pháp luật, nghị định, quyết định... của Nhà nước. Đảng Cộng sản Việt Nam "hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật"¹. Do đó, mọi tổ chức đảng và đảng viên cũng phải hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước. Đảng viên vi phạm Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước cũng là vi phạm kỷ luật đảng, phải được xem xét kỷ luật về Nhà nước, chính quyền.

2.4.3. Kỷ luật của đoàn thể chính trị - xã hội

Các đoàn thể chính trị - xã hội được lập ra dưới sự lãnh đạo của Đảng để thực hiện thắng lợi đường lối, chính sách của Đảng trong phạm vi tổ chức của mình. Để hình thành, tồn tại, phát triển và thực hiện được chức năng, nhiệm vụ của mình, mỗi đoàn thể chính trị - xã hội đều có điều lệ, kỷ luật riêng. "Mỗi đảng viên cần phải làm kiểu mẫu phục tùng kỷ luật, chẳng những kỷ luật của Đảng, mà cả kỷ luật của các đoàn thể nhân dân và của cơ quan chính quyền cách mạng"². Đảng viên sinh hoạt và hoạt động trong các đoàn thể chính trị - xã hội phải chấp hành nghiêm chỉnh kỷ luật của đoàn thể chính trị - xã hội mà mình tham gia. Vi phạm kỷ luật đoàn thể chính trị - xã hội mà mình tham gia cũng là vi phạm kỷ luật đảng.

2.5. Mối quan hệ giữa kỷ luật của Đảng với thi hành kỷ luật trong Đảng

Kỷ luật của Đảng có tầm quan trọng đặc biệt cho sự tồn tại, hoạt động và phát triển của Đảng. Mọi biểu hiện thiếu nghiêm túc trong thực hiện nhiệm vụ chính trị, xây dựng Đảng; mọi hành vi vi phạm kỷ luật, coi thường tổ chức, tự đặt mình ra ngoài tổ chức, ra ngoài kỷ luật của Đảng – dù là biểu hiện nhỏ – đều ảnh hưởng đến uy tín và làm suy yếu sức chiến đấu của Đảng. Trong tình hình hiện nay, Đảng ta càng cần có kỷ luật nghiêm minh. Trước yêu cầu đó, vấn đề kỷ luật của Đảng càng cực kỳ quan trọng, vừa có ý nghĩa cơ bản, lâu dài, vừa mang tính thời sự, cấp bách. Kỷ luật nghiêm minh mới bảo đảm cho đường lối, chính sách, nghị quyết, chỉ thị của Đảng được chấp hành triệt để, không bị chệch hướng; năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng mới được tăng cường.

Tăng cường kỷ luật của Đảng là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của mọi tổ chức đảng và đảng viên để nâng cao tính đảng, tính giai cấp, giữ vững kỷ cương của Đảng. Tăng cường kỷ luật không có nghĩa là phải thi hành kỷ luật cho nhiều, cho nặng mà chủ yếu là phải thường xuyên giáo dục, nâng cao giác ngộ chính trị,

¹ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội, 2016, tr.5.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.33.

giác ngộ giai cấp, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm để các tổ chức đảng và đảng viên nghiêm túc, tự giác chấp hành kỷ luật của Đảng. Nhưng nếu tổ chức đảng và đảng viên vi phạm tới mức phải thi hành kỷ luật thì phải thi hành kỷ luật theo nghiêm minh. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “Sửa chữa sai lầm, cố nhiên cần dùng cách giải thích, thuyết phục, cảm hoá, dạy bảo. Song không phải tuyệt nhiên không dùng xử phạt. Lầm lỗi có việc to, việc nhỏ. Nếu nhất luật không xử phạt thì sẽ mất cả kỷ luật, thì sẽ mở đường cho bọn cố ý phá hoại. Vì vậy, hoàn toàn không dùng xử phạt là không đúng. Mà chút gì cũng dùng đến xử phạt cũng không đúng”³.

II. THI HÀNH KỶ LUẬT TRONG ĐẢNG

Thi hành kỷ luật trong Đảng là công việc quan trọng và cần thiết, nhằm giữ vững kỷ cương, kỷ luật của Đảng, bảo đảm sự thống nhất ý chí và hành động, tăng cường sức chiến đấu của Đảng, giáo dục tổ chức đảng và đảng viên. Việc thi hành kỷ luật phải bảo đảm đúng phương hướng, phương châm, nguyên tắc, thủ tục theo quy định. Tổ chức đảng và đảng viên vi phạm kỷ luật phải xử lý công minh, chính xác, kịp thời. Cần đấu tranh chống các khuynh hướng không công bằng, buông lỏng hoặc khắt khe và các khuynh hướng sai lầm khác trong thi hành kỷ luật trong Đảng. Thi hành kỷ luật trong Đảng gồm những nội dung cơ bản sau:

1. Khái niệm thi hành kỷ luật trong Đảng

Để những quy định của mình được thực hiện trên thực tế, thì khi có các hành vi vi phạm các quy định của Đảng, thì Đảng phải có những hình thức xử phạt nhất định đối với những đối tượng có hành vi vi phạm đó. Việc xử phạt đó chính là việc thi hành kỷ luật trong Đảng.

Thi hành kỷ luật đảng là việc các tổ chức đảng có thẩm quyền thi hành kỷ luật đối với tổ chức đảng và đảng viên có vi phạm đến mức phải xử lý bằng một trong những hình thức kỷ luật được quy định tại khoản 2 Điều 35 Điều lệ Đảng:

- Hình thức kỷ luật đối với tổ chức đảng: Khiển trách, cảnh cáo, giải tán.
- Hình thức kỷ luật đối với đảng viên chính thức: Khiển trách, cảnh cáo, cách chức, khai trừ.
- Hình thức kỷ luật đối với đảng viên dự bị: Khiển trách, cảnh cáo.

Phê bình sâu sắc; nghiêm khắc kiểm điểm, rút kinh nghiệm; kiểm điểm trách nhiệm; xóa tên trong danh sách đảng viên; chấp nhận đơn xin ra khỏi Đảng; cho thôi giữ chức, miễn nhiệm... không phải là hình thức kỷ luật của Đảng đối với đảng viên. Giải thể không phải là hình thức kỷ luật của Đảng đối với tổ chức đảng.

³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.323-324.

2. Phương châm thi hành kỷ luật trong Đảng

Phương châm thi hành kỷ luật trong đảng thể hiện rõ quan điểm, chính sách xử lý của Đảng đối với tổ chức đảng và đảng viên vi phạm. Điều 35 Điều lệ Đảng quy định: “Tổ chức đảng và đảng viên vi phạm kỷ luật phải xử lý công minh, chính xác, kịp thời”¹.

2.1. Công minh

Tất cả đảng viên đều bình đẳng trước kỷ luật của Đảng, nếu vi phạm đến mức phải kỷ luật đều phải xử lý kỷ luật nghiêm minh, không có ngoại lệ. Cần khắc phục tình trạng đảng viên vi phạm không được kiểm điểm, xử lý nghiêm túc mà cho chuyển công tác khác.

Đảng viên vi phạm pháp luật đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự thì chuyển cơ quan có thẩm quyền giải quyết, không được xử lý nội bộ. Nếu làm thất thoát tài chính, tài sản của Đảng, Nhà nước, của tổ chức, cá nhân thì phải xem xét trách nhiệm và bồi hoàn.

Đảng viên sau khi chuyển sinh hoạt đảng sang tổ chức đảng mới, nếu phát hiện hoặc bị tố cáo có vi phạm kỷ luật ở nơi sinh hoạt đảng trước đây mà chưa xem xét, xử lý thì do tổ chức đảng cấp trên của các đảng bộ nơi quản lý đảng viên trước đây và hiện nay xem xét, xử lý. Việc kiểm tra, xem xét, xử lý kỷ luật đối với đảng viên vi phạm được tiến hành ở các tổ chức đảng hiện đang quản lý đảng viên đó.

- Kỷ luật đảng không thay thế kỷ luật hành chính, kỷ luật đoàn thể hoặc việc xử lý bằng pháp luật và ngược lại. Tổ chức đảng sau khi xem xét, xử lý hoặc chỉ đạo việc xem xét, xử lý về kỷ luật đảng, phải chỉ đạo hoặc đề nghị ngay với các tổ chức có trách nhiệm xem xét, xử lý kỷ luật về hành chính, đoàn thể hoặc xử lý hình sự cho đồng bộ, kịp thời.

Đối với đảng viên là cấp uỷ viên các cấp hoặc cán bộ thuộc diện cấp uỷ các cấp quản lý đã nghỉ hưu, nếu phát hiện có vi phạm khi đang công tác thì thẩm quyền thi hành kỷ luật của các tổ chức đảng được thực hiện như đang đương chức; nếu có vi phạm khi đã nghỉ hưu thì do tổ chức đảng quản lý đảng viên đó xử lý kỷ luật theo thẩm quyền.

Đảng viên vi phạm đang trong thời gian mang thai, nghỉ thai sản, đang mắc bệnh hiểm nghèo hoặc đang mất khả năng nhận thức hoặc bị bệnh đang điều trị nội trú tại bệnh viện, được cơ quan y tế có thẩm quyền xác nhận thì chưa xem xét, xử lý kỷ luật.

Trường hợp đảng viên vi phạm đã qua đời, tổ chức đảng xem xét, kết luận, không xử lý kỷ luật, trừ trường hợp có vi phạm đặc biệt nghiêm trọng.

- Tổ chức đảng quyết định kỷ luật oan, sai đối với đảng viên phải thay đổi hoặc huỷ bỏ quyết định đó, đồng thời tự phê bình, kiểm điểm, rút kinh nghiệm, nếu vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật thì cấp uỷ hoặc uỷ ban kiểm tra cấp trên xem xét, quyết định.

Đảng viên bị kỷ luật oan phải được xin lỗi và phục hồi quyền lợi.

Việc xử lý kỷ luật phải đúng người, đúng hành vi vi phạm. Cần kiên quyết khắc phục tình trạng “ô dù”, bao che, nể nang, né tránh, làm cho việc xử lý cán bộ, đảng viên vi phạm kỷ luật Đảng, pháp luật Nhà nước không nghiêm. Đồng thời, phải chấm dứt tình trạng “nhẹ trên, nặng dưới”, xử lý thiếu công bằng, gây bất bình trong nội bộ Đảng và trong nhân dân.

2.2. Chính xác

Khi thi hành kỷ luật phải căn cứ nội dung, mức độ, tính chất, tác hại, nguyên nhân vi phạm và các tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ mà xem xét, quyết định hình thức kỷ luật cho phù hợp theo thẩm quyền và phải chịu trách nhiệm trước các quyết định đó.

- Thời hiệu xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm thực hiện theo quy định của Bộ Chính trị.

- Trong xử lý, phải kết hợp xem xét kết quả tự phê bình và phê bình với kết quả thẩm tra, xác minh để bảo đảm kết luận khách quan, đầy đủ, chính xác. Cần làm rõ nguyên nhân, phân biệt sai lầm, khuyết điểm do trình độ, năng lực; động cơ vì lợi ích chung hay vì lợi ích cá nhân, cục bộ mà cố ý làm trái; vi phạm nhất thời hay có hệ thống; đã qua giáo dục, ngăn chặn vẫn làm trái; không tự giác nhận lỗi, không bồi hoàn hoặc có hành vi đối phó; phân biệt đảng viên khởi xướng, tổ chức, quyết định với đảng viên bị lôi kéo, đồng tình làm sai.

2.3. Kịp thời

- Là việc xem xét, thi hành kỷ luật phải khẩn trương, đúng lúc, không để chậm trễ, kéo dài, gây thêm khó khăn cho việc thẩm tra, xác minh, kết luận, xử lý, làm giảm ý nghĩa, tác dụng giáo dục và không đáp ứng yêu cầu phục vụ việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng. Sau khi ban hành quyết định kỷ luật thì phải công bố ngay quyết định ấy cho tổ chức đảng và đảng viên vi phạm để chấp hành, không được trì hoãn với bất cứ lý do gì.

- Để chủ động phòng ngừa đảng viên, tổ chức đảng vi phạm và việc thi hành kỷ luật được kịp thời, các tổ chức đảng, đặc biệt là chi bộ phải thường xuyên nắm chắc tình hình đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng và pháp luật của Nhà nước; khi phát hiện đảng viên, tổ chức đảng có dấu hiệu vi phạm

thì kịp thời xem xét, kết luận và xử lý kỷ luật ngay, nếu có vi phạm đến mức phải xử lý. Có biện pháp tăng cường giáo dục, quản lý đảng viên vi phạm, không để đảng viên vắng mặt trong quá trình kiểm tra để kịp thời nhận và chấp hành quyết định kỷ luật.

Khi các tổ chức nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội đình chỉ công tác hoặc xử lý kỷ luật đối với cán bộ, hội viên, đoàn viên là đảng viên, phải chủ động thông báo ngay cho tổ chức đảng quản lý đảng viên đó để xem xét, xử lý kỷ luật kỷ luật đảng. Sau khi giải quyết khiếu nại kỷ luật về Đảng, nếu có thay đổi hình thức kỷ luật, tổ chức đảng có thẩm quyền chỉ đạo việc xem xét lại hình thức kỷ luật về hành chính, về đoàn thể.

3. Nguyên tắc thi hành kỷ luật trong Đảng

- Tổ chức đảng và đảng viên vi phạm kỷ luật phải được xử lý công minh, chính xác, kịp thời; tất cả tổ chức đảng, đảng viên đều bình đẳng trước kỷ luật của Đảng, nếu vi phạm đến mức phải kỷ luật đều phải xử lý kỷ luật nghiêm minh.

- Đảng viên vi phạm pháp luật đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự thì chuyển cơ quan có thẩm quyền giải quyết, không được xử lý nội bộ. Nếu làm thất thoát tài chính, tài sản của Đảng, Nhà nước, của tổ chức, cá nhân thì phải xem xét trách nhiệm và bồi hoàn.

- Đảng viên sau khi chuyển sinh hoạt đảng sang tổ chức đảng mới, nếu phát hiện hoặc bị tố cáo có vi phạm kỷ luật ở nơi sinh hoạt đảng trước đây mà chưa được xem xét, xử lý thì do tổ chức đảng cấp trên của các tổ chức đảng nơi quản lý đảng viên trước đây và hiện nay xem xét, xử lý hoặc giao tổ chức đảng cấp dưới xem xét, xử lý, chỉ đạo xem xét, xử lý theo thẩm quyền.

- Việc thi hành kỷ luật phải căn cứ nội dung, mức độ, tính chất, tác hại, ảnh hưởng, nguyên nhân vi phạm, hoàn cảnh cụ thể và các tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ để xem xét, quyết định cho phù hợp và phải chịu trách nhiệm về quyết định đó.

- Kỷ luật đảng không thay thế kỷ luật hành chính, kỷ luật đoàn thể hoặc việc xử lý bằng pháp luật và ngược lại (trừ trường hợp có quy định khác). Tổ chức đảng sau khi xem xét, xử lý hoặc chỉ đạo việc xem xét, xử lý về kỷ luật đảng, chậm nhất 5 ngày phải chỉ đạo hoặc đề nghị với các tổ chức có trách nhiệm xem xét, xử lý kỷ luật về hành chính, đoàn thể hoặc xử lý hình sự cho đồng bộ, kịp thời.

Khi các tổ chức nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội đình chỉ công tác hoặc xử lý kỷ luật đối với cán bộ, hội viên, đoàn viên là đảng viên (kể cả quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật về hành chính của các cấp chính quyền hoặc bản án, quyết định của tòa án) thì chậm nhất 5 ngày phải chủ động thông báo cho tổ

chức đảng quản lý đảng viên đó để xem xét, xử lý kỷ luật đảng. Sau khi giải quyết khiếu nại kỷ luật về Đảng, nếu có thay đổi hình thức kỷ luật thì tổ chức đảng có thẩm quyền chỉ đạo việc xem xét lại hình thức kỷ luật về hành chính, đoàn thể.

- Đối với đảng viên là cấp ủy viên các cấp hoặc cán bộ thuộc diện cấp ủy các cấp quản lý đã nghỉ hưu, từ chức, miễn nhiệm hoặc cho thôi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý, nếu phát hiện có vi phạm khi đang công tác thì thẩm quyền thi hành kỷ luật của các tổ chức đảng được thực hiện như đang đương chức.

- Đảng viên vi phạm đang trong thời gian mang thai hoặc đang nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi, bị bệnh nặng thì chưa xem xét, xử lý kỷ luật. Trường hợp đảng viên vi phạm đã qua đời tổ chức đảng xem xét, không xử lý kỷ luật, trừ trường hợp có vi phạm đặc biệt nghiêm trọng.

- Tổ chức đảng quyết định kỷ luật oan, sai đối với tổ chức đảng, đảng viên phải thay đổi hoặc hủy bỏ quyết định đó, đồng thời tự phê bình, kiểm điểm, rút kinh nghiệm; nếu vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật thì cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra cấp trên xem xét, quyết định.

- Đảng viên chính thức vi phạm nghiêm trọng đến mức phải khai trừ thì phải kỷ luật khai trừ, không áp dụng biện pháp xoá tên, không chấp nhận việc xin ra khỏi Đảng.

- Đảng viên dự bị vi phạm đến mức phải kỷ luật thì kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo, khi hết thời hạn dự bị, chi bộ vẫn tiến hành xét công nhận đảng viên chính thức. Nếu vi phạm đến mức không còn đủ tư cách đảng viên thì xoá tên trong danh sách đảng viên.

- Khi kỷ luật một tổ chức đảng phải xem xét trách nhiệm, xử lý kỷ luật đối với những đảng viên vi phạm, nhất là trách nhiệm người đứng đầu tổ chức đảng.

- Tổ chức đảng, đảng viên bị kỷ luật oan phải được xin lỗi và phục hồi quyền lợi. Việc xin lỗi và phục hồi quyền lợi thực hiện theo quy định của Bộ Chính trị.

- Trường hợp chưa kỷ luật, không kỷ luật hoặc miễn kỷ luật:

+ Đảng viên là nữ giới đang trong thời gian mang thai, nghỉ thai sản, đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi hoặc đảng viên là nam giới (trường hợp vợ chết hoặc vì lý do khách quan, bất khả kháng) đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi thì chưa xem xét kỷ luật.

+ Đảng viên bị bệnh nặng đang điều trị nội trú tại bệnh viện thì chưa xem xét kỷ luật, khi sức khỏe ổn định (được ra viện) mới xem xét kỷ luật.

+ Đảng viên vi phạm đã qua đời thì tổ chức đảng xem xét, kết luận nhưng không quyết định kỷ luật, trừ trường hợp có vi phạm đặc biệt nghiêm trọng.

+ Đảng viên bị tuyên bố mất tích nếu phát hiện vi phạm vẫn phải xem xét, kết luận nhưng chưa xử lý kỷ luật, khi phát hiện đảng viên đó còn sống thì thi hành kỷ luật theo quy định.

+ Đảng viên thực hiện đề xuất về đổi mới, sáng tạo theo Kết luận số 14-KL/TW, ngày 22/9/2021 của Bộ Chính trị, được cơ quan có thẩm quyền cho phép nhưng xảy ra thiệt hại thì cơ quan có thẩm quyền xác định rõ nguyên nhân khách quan, chủ quan, đánh giá khách quan, toàn diện; nếu đã thực hiện đúng chủ trương, có động cơ trong sáng, vì lợi ích chung thì miễn kỷ luật hoặc giảm nhẹ trách nhiệm.

+ Vi phạm do chấp hành chủ trương, quyết định, mệnh lệnh sai trái của tổ chức, cấp trên hoặc do bị ép buộc nhưng đã chủ động, kịp thời báo cáo bằng văn bản với tổ chức, cơ quan có thẩm quyền biết ý kiến, đề xuất của mình trước khi thực hiện thì miễn kỷ luật.

- Đảng viên sau khi chuyển sinh hoạt đảng sang tổ chức đảng mới, nếu phát hiện hoặc bị tố cáo có vi phạm kỷ luật ở nơi sinh hoạt đảng trước đây mà chưa được xem xét, xử lý thì do tổ chức đảng cấp trên của các tổ chức đảng nơi quản lý đảng viên trước đây và hiện nay xem xét, xử lý hoặc giao tổ chức đảng cấp dưới xem xét, xử lý, chỉ đạo xem xét, xử lý theo thẩm quyền.

- Đối với đảng viên là cấp ủy viên các cấp hoặc cán bộ thuộc diện cấp ủy các cấp quản lý đã nghỉ hưu, từ chức, miễn nhiệm hoặc cho thôi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý, nếu phát hiện có vi phạm khi đang công tác thì thẩm quyền thi hành kỷ luật của các tổ chức đảng được thực hiện như đang đương chức.

4. Thẩm quyền thi hành kỷ luật đảng

4.1. Thẩm quyền của cấp ủy, tổ chức đảng các cấp

4.1.1. Thi hành kỷ luật đảng viên vi phạm

- Chi bộ quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên trong chi bộ (kể cả cấp ủy viên các cấp, đảng viên thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý) vi phạm phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa", sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ do chi bộ giao, nhiệm vụ đảng viên (trừ nhiệm vụ cấp trên giao).

+ Sau khi chi bộ quyết định kỷ luật khiển trách, cảnh cáo đối với cấp ủy viên các cấp, cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý, phải báo cáo lên các cấp ủy mà đảng viên đó là thành viên và cấp ủy, ủy ban kiểm tra cấp ủy quản lý cán bộ.

+ Việc cách chức, khai trừ cấp ủy viên của chi bộ do chi bộ đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

+ Đối với cấp ủy viên các cấp sinh hoạt tại chi bộ (từ cấp ủy viên đảng ủy cơ sở trở lên) và cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý, nếu vi phạm khi thực hiện nhiệm vụ do cấp trên giao mà phải áp dụng hình thức kỷ luật thì chi bộ đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Đảng ủy bộ phận có trách nhiệm thẩm tra việc đề nghị thi hành kỷ luật của chi bộ để báo cáo đề nghị cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy cấp trên quyết định theo thẩm quyền.

- Ban thường vụ đảng ủy cơ sở quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên trong đảng bộ nhưng không phải cấp ủy viên cùng cấp hoặc cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý.

- Đảng ủy cơ sở quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên trong đảng bộ, cách chức cấp ủy viên cấp dưới nhưng không phải là cấp ủy viên cùng cấp hoặc cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý. Khiển trách, cảnh cáo đối với cấp ủy viên cùng cấp, cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý vi phạm phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ do cấp ủy cùng cấp giao; đối với cấp ủy viên cùng cấp, cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý nếu vi phạm nhiệm vụ chuyên môn đến mức phải kỷ luật thì đảng ủy cơ sở đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định⁴.

- Trường hợp tất cả cấp ủy viên của chi bộ và của đảng bộ cơ sở đều bị thi hành kỷ luật thì báo cáo tổ chức đảng có thẩm quyền cấp trên quyết định.

- Đảng ủy cơ sở được ủy quyền quyết định kết nạp đảng viên thì có quyền khai trừ đảng viên, nhưng không phải là cấp ủy viên cùng cấp và đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý.

- Ban thường vụ đảng ủy cấp trên trực tiếp cơ sở quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên trong đảng bộ nhưng không phải cấp ủy viên cùng cấp hoặc cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý.

- Đảng ủy cấp trên trực tiếp cơ sở quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên trong đảng bộ; cách chức cấp ủy viên cấp dưới nhưng không phải là cấp ủy viên cùng cấp hoặc cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý. Khiển trách, cảnh cáo đối với cấp ủy viên cùng cấp, cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý vi phạm phẩm

⁴ Nội dung mới trong Quy định số 296-QĐ/TW, ngày 30/5/2025 so với Quy định số 22 QĐ/TW, ngày 28/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng

chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ do cấp ủy giao.

Quyết định các hình thức kỷ luật đối với đảng viên không phải là cấp ủy viên cấp dưới trực tiếp hoặc cán bộ do cấp ủy cùng cấp quản lý.

- Ban thường vụ tỉnh, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Trung ương quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên nhưng không phải là cấp ủy viên cùng cấp); quyết định khiển trách, cảnh cáo cấp ủy viên cùng cấp nhưng không phải đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý khi vi phạm phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ chuyên môn được giao; cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý vi phạm nhiệm vụ do cấp ủy cùng cấp giao. Trường hợp cách chức, khai trừ cấp ủy viên cùng cấp thì báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Cấp ủy tỉnh, thành và đảng ủy trực thuộc Trung ương quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên; quyết định khiển trách, cảnh cáo cấp ủy viên cùng cấp (kể cả ủy viên ban thường vụ cấp ủy), đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý vi phạm phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ đảng viên, thực hiện nhiệm vụ do cấp ủy giao.

- Ban Bí thư, Bộ Chính trị quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên, kể cả đảng viên là cán bộ thuộc diện Ban Bí thư, Bộ Chính trị quản lý; khiển trách, cảnh cáo ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng (kể cả ủy viên Bộ Chính trị, ủy viên Ban Bí thư, ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng) vi phạm phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ đảng viên, thực hiện nhiệm vụ chuyên môn được giao. Trường hợp cách chức, khai trừ thì báo cáo Ban Chấp hành Trung ương Đảng xem xét, quyết định.

- Ban Chấp hành Trung ương Đảng là cấp quyết định kỷ luật cuối cùng; quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên, kể cả Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư.

- Kỷ luật cách chức đối với đảng viên:

+ Đảng viên giữ nhiều chức vụ (kể cả chức vụ đương nhiệm hoặc chức vụ ở các nhiệm kỳ trước đó) vi phạm kỷ luật phải cách chức thì tùy mức độ, tính chất vi phạm mà cách một, một số hay tất cả các chức vụ hoặc phải khai trừ thì tổ chức đảng quản lý đảng viên đó quyết định.

+ Đảng viên tham gia nhiều cấp ủy (trừ Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương) vi phạm đến mức phải cách chức cấp ủy viên cao nhất hoặc khai trừ thì do ban thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp của cấp ủy cấp cao nhất mà đảng viên đó là thành

viên quyết định. Nếu phải cách chức cấp uỷ viên ở một cấp uỷ cấp dưới thì do ban thường vụ cấp uỷ quản lý đảng viên đó quyết định.

+ Đảng viên tham gia nhiều cấp uỷ, giữ nhiều chức vụ, bị kỷ luật cách chức một chức vụ đương nhiệm hoặc chức vụ trước đó, thì cấp uỷ hoặc ban thường vụ cấp uỷ có thẩm quyền phải xem xét các chức vụ khác, có thể cách chức hoặc cho thôi giữ một, một số hoặc tất cả các chức vụ khác.

+ Việc kỷ luật đối với uỷ viên uỷ ban kiểm tra là cấp uỷ viên tiến hành như đối với cấp uỷ viên. Nếu uỷ viên uỷ ban kiểm tra không phải là cấp uỷ viên thì việc kỷ luật khiển trách, cảnh cáo tiến hành như đối với cán bộ do cấp uỷ cùng cấp quản lý; trường hợp kỷ luật cách chức, khai trừ do cấp uỷ cùng cấp quyết định.

+ Cấp uỷ viên vi phạm đến mức cách chức thì phải kỷ luật cách chức, không để thôi giữ chức, không chấp nhận cho rút khỏi cấp uỷ.

4.1.2. Thi hành kỷ luật tổ chức đảng

- Cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ từ cấp cơ sở trở lên có quyền kỷ luật tổ chức đảng cấp dưới.

- Tổ chức đảng bị kỷ luật khiển trách, cảnh cáo do cấp uỷ hoặc ban thường vụ cấp uỷ cấp trên trực tiếp quyết định.

- Tổ chức đảng bị kỷ luật giải tán do cấp uỷ hoặc ban thường vụ cấp uỷ cấp trên trực tiếp đề nghị, cấp uỷ hoặc ban thường vụ cấp uỷ cấp trên cách một cấp quyết định. Quyết định này phải báo cáo lên cấp uỷ cấp trên trực tiếp và Uỷ ban Kiểm tra Trung ương.

4.2. Thẩm quyền thi hành kỷ luật của uỷ ban kiểm tra các cấp

4.2.1. Thi hành kỷ luật đảng viên vi phạm

- Uỷ ban kiểm tra đảng uỷ cơ sở quyết định hình thức kỷ luật khiển trách, cảnh cáo đảng viên trong đảng bộ (kể cả cấp uỷ viên chi bộ, cấp uỷ viên đảng uỷ bộ phận, cán bộ thuộc diện cấp uỷ cùng cấp quản lý nhưng không phải là cấp uỷ viên cùng cấp).

- Uỷ ban kiểm tra đảng uỷ cấp trên trực tiếp cơ sở quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên (kể cả bí thư, phó bí thư, cấp uỷ viên của chi bộ, đảng uỷ bộ phận trực thuộc đảng bộ cơ sở hoặc cán bộ thuộc diện đảng uỷ cơ sở quản lý nhưng không phải là cấp uỷ viên cùng cấp hoặc cán bộ do cấp uỷ cấp trên quản lý). Quyết định khiển trách, cảnh cáo cấp uỷ viên cấp uỷ cơ sở và cán bộ thuộc diện cấp uỷ cơ sở quản lý nhưng không phải là cấp uỷ viên cùng cấp.

- Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Trung ương quyết định khiển trách, cảnh cáo cấp ủy viên cấp dưới trực tiếp (kể cả bí thư, phó bí thư, ủy viên ban thường vụ cấp ủy); đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp ủy cùng cấp quản lý nhưng không phải là cấp ủy viên cùng cấp.

Quyết định các hình thức kỷ luật đối với đảng viên không phải là cấp ủy viên cấp dưới trực tiếp hoặc cán bộ do cấp ủy tỉnh, thành và đảng ủy trực thuộc Trung ương quản lý.

- Ủy ban Kiểm tra Trung ương quyết định khiển trách, cảnh cáo cấp ủy viên tỉnh ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Trung ương (kể cả bí thư, phó bí thư, ủy viên ban thường vụ), đảng viên là cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý nhưng không phải là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Quyết định các hình thức kỷ luật đối với các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ Đảng.

4.2.2. Thi hành kỷ luật tổ chức đảng vi phạm

Ủy ban kiểm tra các cấp xem xét, kết luận, đề xuất với cấp ủy hoặc ban thường vụ cấp ủy trong việc xử lý kỷ luật tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp; quyết định hình thức kỷ luật khiển trách, cảnh cáo tổ chức đảng trực thuộc cấp ủy cấp dưới (tổ chức đảng cách một cấp trở xuống).

4.3. Thời hiệu xử lý kỷ luật

- Thời hiệu kỷ luật là thời hạn mà khi hết thời hạn đó thì tổ chức đảng, đảng viên vi phạm không bị kỷ luật. Thời hiệu kỷ luật được tính từ thời điểm tổ chức đảng, đảng viên có hành vi vi phạm đến khi tổ chức đảng có thẩm quyền kết luận vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật. Thời điểm xảy ra hành vi vi phạm phải được tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét, làm rõ, kết luận.

- Xác định thời điểm có hành vi vi phạm:

+ Đối với hành vi vi phạm xác định được thời điểm chấm dứt thì thời điểm có hành vi vi phạm được tính từ thời điểm chấm dứt.

+ Đối với hành vi vi phạm chưa chấm dứt thì thời điểm có hành vi vi phạm được tính từ thời điểm phát hiện.

+ Đối với hành vi vi phạm không xác định được thời điểm chấm dứt thì thời điểm có hành vi vi phạm được tính từ thời điểm có kết luận của cấp có thẩm quyền.

- Nếu tổ chức đảng hoặc đảng viên có hành vi vi phạm mới trong thời hạn sau đây thì thời hiệu kỷ luật đối với vi phạm cũ được tính lại kể từ thời điểm xảy ra hành vi vi phạm mới:

+ Thời hiệu kỷ luật tổ chức đảng vi phạm như sau: (i) 5 năm (60 tháng) đối với vi phạm đến mức phải áp dụng hình thức khiển trách; (ii) 10 năm (120 tháng) đối với vi phạm đến mức phải áp dụng hình thức cảnh cáo; (iii) Không áp dụng thời hiệu kỷ luật đối với những vi phạm đến mức phải áp dụng hình thức kỷ luật giải tán; vi phạm về chính trị nội bộ; về quốc phòng, an ninh, đối ngoại xâm hại đến lợi ích quốc gia, dân tộc.

+ Thời hiệu kỷ luật đảng viên vi phạm như sau: (1) 5 năm (60 tháng) đối với vi phạm đến mức phải áp dụng hình thức khiển trách; (2) 10 năm (120 tháng) đối với vi phạm đến mức phải áp dụng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức; (3) Không áp dụng thời hiệu kỷ luật đối với vi phạm đến mức phải áp dụng hình thức khai trừ; vi phạm chính trị nội bộ; vi phạm quốc phòng, an ninh, đối ngoại có xâm hại đến lợi ích quốc gia, dân tộc; việc sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không hợp pháp.

4.4. Tình tiết giảm nhẹ mức kỷ luật

4.4.1. Đối với tổ chức đảng

- Chủ động, kịp thời báo cáo vi phạm với tổ chức đảng cấp trên, thái độ kiểm điểm nghiêm túc, tự giác nhận khuyết điểm, vi phạm và tự nhận hình thức kỷ luật tương xứng với vi phạm.

- Chủ động cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ phản ánh đầy đủ, trung thực về vi phạm.

- Chủ động chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục cơ bản, kịp thời hậu quả do vi phạm của tổ chức mình gây ra trước và trong quá trình kiểm tra, giám sát.

- Giúp tổ chức đảng có thẩm quyền kiểm tra, xem xét, xử lý chính xác, kịp thời các tổ chức, cá nhân vi phạm.

4.4.2. Đối với đảng viên

- Chủ động báo cáo vi phạm của mình với tổ chức đảng, tự giác nhận trách nhiệm cá nhân về khuyết điểm, vi phạm và tự nhận hình thức kỷ luật tương xứng với nội dung, tính chất, mức độ vi phạm trước và trong quá trình kiểm tra, giám sát.

- Chủ động cung cấp thông tin, hồ sơ, tài liệu, phản ánh đầy đủ, trung thực về những người cùng vi phạm.

- Chủ động chấm dứt hành vi vi phạm, tích cực tham gia ngăn chặn hành vi vi phạm; tự giác nộp tài sản tham nhũng, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do mình gây ra.

- Vi phạm khi thực hiện chủ trương hoặc thí điểm đổi mới, sáng tạo được cấp có thẩm quyền cho phép theo quy định, không thuộc trường hợp chưa kỷ luật, không hoặc miễn kỷ luật.

- Trường hợp vi phạm đã rõ, đảng viên thành khẩn nhận vi phạm, khuyết điểm, tự giác bồi thường, khắc phục hậu quả gây ra, có đơn xin thôi giữ các chức vụ đang đảm nhiệm, xin thôi việc thì xem xét, quyết định giảm nhẹ hình thức kỷ luật.

4.5. Tình tiết tăng nặng mức kỷ luật

4.5.1. Đối với tổ chức đảng

- Không kịp thời khắc phục, sửa chữa khuyết điểm, vi phạm theo kết luận của tổ chức đảng, cơ quan có thẩm quyền; không tự giác nhận khuyết điểm, vi phạm.

- Trù dập người đấu tranh, tố cáo, làm chứng, cung cấp chứng cứ vi phạm; đối phó, cản trở, gây khó khăn, trở ngại quá trình thẩm tra, xác minh, thu thập chứng cứ vi phạm; bao che, che giấu vi phạm.

- Cung cấp thông tin, báo cáo sai sự thật; đe dọa, ép buộc không để người khác cung cấp chứng cứ, tài liệu; không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ, tiêu hủy tài liệu và chứng cứ liên quan đến vi phạm; lập hồ sơ, tài liệu, chứng cứ giả để đối phó.

- Lợi dụng tình trạng khẩn cấp, thiên tai, hoả hoạn, dịch bệnh, chính sách an sinh xã hội và quốc phòng, an ninh để trục lợi.

- Vi phạm từ lần 2 trở lên, có tính hệ thống hoặc đã bị kỷ luật nhưng tiếp tục vi phạm; cố tình trì hoãn, kéo dài thời gian xem xét xử lý, khắc phục, làm cho tình hình tổ chức, cơ quan, đơn vị ngày càng phức tạp.

- Biết mà không ngăn chặn hoặc đê cán bộ, đảng viên thuộc tổ chức mình trực tiếp quản lý xảy ra tham nhũng, tiêu cực gây hậu quả nghiêm trọng.

4.5.2. Đối với đảng viên

- Đã được tổ chức đảng yêu cầu kiểm điểm nhưng không thực hiện, không sửa chữa khuyết điểm, vi phạm. Không tự giác nhận khuyết điểm, vi phạm, hình thức kỷ luật tương xứng với nội dung, tính chất, mức độ vi phạm; gây thiệt hại về vật chất phải bồi hoàn nhưng không bồi hoàn, không khắc phục hậu quả hoặc khắc phục không đúng yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, không tự giác nộp lại tiền, tài sản do vi phạm mà có.

- Đối phó, quanh co, cản trở quá trình kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án. Bao che cho người vi phạm; đe dọa, trù dập, trả

thù người đấu tranh, tố cáo, người làm chứng, người cung cấp tài liệu, chứng cứ vi phạm.

- Vi phạm có tổ chức, là người chủ mưu; cung cấp thông tin, báo cáo sai sự thật; ngăn cản người khác cung cấp chứng cứ vi phạm; che giấu, sửa chữa, tiêu hủy chứng cứ, tạo lập tài liệu, hồ sơ, chứng cứ giả.

- Lợi dụng chức vụ, quyền hạn, lợi dụng tình trạng khẩn cấp, thiên tai, hoả hoạn, dịch bệnh thực hiện chính sách an sinh xã hội và quốc phòng, an ninh để trục lợi. Ép buộc, vận động, tổ chức, tiếp tay cho người khác cùng vi phạm.

5. Trình tự xem xét, quyết định thi hành kỷ luật

- Trước khi quyết định kỷ luật, đại diện tổ chức đảng có thẩm quyền quyết định kỷ luật nghe đảng viên vi phạm hoặc đại diện tổ chức đảng vi phạm trình bày ý kiến và ý kiến này được báo cáo đầy đủ (kèm theo bản tự kiểm điểm) khi tổ chức đảng có thẩm quyền họp xem xét, quyết định kỷ luật. Hoặc đại diện tổ chức đảng vi phạm, đảng viên vi phạm có thể trình bày ý kiến trực tiếp với tổ chức đảng có thẩm quyền tại hội nghị xem xét, quyết định kỷ luật. Nếu đảng viên hoặc người đại diện tổ chức đảng vi phạm không trực tiếp trình bày ý kiến với đại diện tổ chức đảng có thẩm quyền khi được yêu cầu thì báo cáo với tổ chức đảng đó bằng văn bản và phải nghiêm chỉnh chấp hành sau khi có quyết định kỷ luật.

- Đại diện tổ chức đảng có thẩm quyền gặp, nghe đại diện tổ chức đảng, đảng viên vi phạm trình bày ý kiến phải có từ 2 người, ghi biên bản và được báo cáo đầy đủ tại hội nghị xem xét, xử lý kỷ luật.

- Trường hợp đại diện tổ chức đảng, đảng viên vi phạm khi được tổ chức đảng có thẩm quyền mời gặp nhưng không đến mà không có lý do chính đáng thì tổ chức đảng vẫn xem xét, quyết định thi hành kỷ luật theo quy định.

5.1. Trình tự xem xét, quyết định kỷ luật đảng viên.

- Đảng viên vi phạm kỷ luật phải kiểm điểm trước chi bộ, tự nhận hình thức kỷ luật; nếu từ chối kiểm điểm hoặc bị tạm giam, truy nã tổ chức đảng vẫn tiến hành xem xét kỷ luật. Trường hợp cần thiết, cấp uỷ và uỷ ban kiểm tra cấp có thẩm quyền trực tiếp xem xét kỷ luật

- Cấp uỷ hướng dẫn đảng viên vi phạm kỷ luật chuẩn bị bản tự kiểm điểm. Hội nghị chi bộ thảo luận, góp ý và kết luận rõ nội dung, tính chất, mức độ, tác hại, nguyên nhân vi phạm, các tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ và biểu quyết (đề nghị hoặc quyết định) kỷ luật. Đại diện cấp uỷ tham dự hội nghị chi bộ xem xét kỷ luật đảng viên là cấp uỷ viên hoặc cán bộ thuộc diện cấp uỷ quản lý.

- Đảng viên vi phạm một trong các trường hợp sau thì cấp uỷ và uỷ ban kiểm tra có thẩm quyền trực tiếp xem xét, quyết định kỷ luật, không cần yêu cầu đảng viên đó phải kiểm điểm trước chi bộ: Vi phạm khi thực hiện nhiệm vụ cấp trên giao; nội dung vi phạm liên quan đến bí mật của Đảng và Nhà nước mà chi bộ không biết; vi phạm trước khi chuyển đến sinh hoạt ở chi bộ; vi phạm pháp luật đang bị khởi tố, tạm giam, truy nã, truy tố, xét xử.

- Đảng viên sinh hoạt đảng tạm thời, nếu vi phạm kỷ luật thì cấp uỷ nơi đảng viên sinh hoạt tạm thời có trách nhiệm xem xét, xử lý kỷ luật tới mức cảnh cáo. Sau khi xử lý kỷ luật phải thông báo bằng văn bản cho cấp uỷ nơi đảng viên sinh hoạt chính thức biết.

- Tổ chức đảng cấp trên có thẩm quyền khi phát hiện cấp uỷ viên các cấp, đảng viên thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý có vi phạm phải chỉ đạo tổ chức đảng cấp dưới, trước hết là chi bộ xem xét, xử lý kỷ luật theo thẩm quyền. Trường hợp tổ chức đảng cấp dưới không xem xét, xử lý hoặc xử lý không đúng mức thì tổ chức đảng có thẩm quyền cấp trên xem xét, xử lý kỷ luật; đồng thời xem xét trách nhiệm của tổ chức đảng cấp dưới và người đứng đầu tổ chức đảng đó.

5.2. Trình tự xem xét, quyết định kỷ luật tổ chức đảng.

- Tổ chức đảng vi phạm phải tự kiểm điểm, tự nhận hình thức kỷ luật và báo cáo cấp uỷ cấp trên xem xét, quyết định.

- Nếu tổ chức đảng sau khi chuyển giao, sáp nhập, chia tách hoặc kết thúc hoạt động mới phát hiện có vi phạm thì tổ chức đảng có thẩm quyền cấp trên của các tổ chức đảng đó xem xét, xử lý.

6. Trình tự, thủ tục cách thức bỏ phiếu, thi hành kỷ luật

- Sau khi xem xét, kết luận tổ chức đảng, đảng viên có vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật thì tổ chức đảng phải bỏ phiếu biểu quyết hình thức kỷ luật bằng phiếu kín.

- Sau khi thảo luận thống nhất, việc bỏ phiếu biểu quyết thi hành kỷ luật đối với tổ chức đảng và đảng viên chỉ thực hiện một lần bằng hình thức bỏ phiếu kín (trừ trường hợp bị truy nã, tạm giam, bị tòa án tuyên phạt tù hình phạt cải tạo không giam giữ trở lên).

- Khi thực hiện kết luận của cấp uỷ, tổ chức đảng cấp trên về hình thức kỷ luật cụ thể đối với tổ chức đảng, đảng viên vi phạm thì cấp uỷ, tổ chức đảng cấp dưới bỏ phiếu kỷ luật phải theo đúng kết luận của tổ chức đảng cấp trên (về tính chất, mức độ vi phạm, hình thức kỷ luật), không được bỏ phiếu hình thức kỷ luật thấp hơn kết luận của cấp uỷ, tổ chức đảng cấp trên (trừ trường hợp phát hiện tổ chức đảng, đảng

viên có tình tiết mới dẫn đến làm thay đổi bản chất vụ việc). Trường hợp kết quả bỏ phiếu kỷ luật khác so với kết luận của tổ chức đảng cấp trên thì phải báo cáo tổ chức đảng cấp trên xem xét, cho ý kiến trước khi ban hành quyết định kỷ luật.

- Tổ chức đảng và đảng viên vi phạm không thuộc thẩm quyền quyết định kỷ luật của cấp mình thì đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định.

- Cách tính số phiếu biểu quyết.

+ Kết quả biểu quyết quyết định các hình thức kỷ luật cụ thể mà không có hình thức kỷ luật nào đủ số phiếu theo quy định, thì cộng dồn số phiếu từ hình thức kỷ luật cao nhất xuống đến hình thức kỷ luật liền kề thấp hơn, đến hình thức nào mà kết quả có đủ số phiếu theo quy định thì quyết định kỷ luật bằng hình thức đó.

+ Quyết định kỷ luật hoặc đề nghị kỷ luật khiển trách, cảnh cáo, cách chức đối với đảng viên; khiển trách, cảnh cáo đối với tổ chức đảng phải được biểu quyết với sự đồng ý của trên một nửa số đảng viên chính thức hoặc thành viên của tổ chức đảng đó.

+ Trường hợp khai trừ đảng viên phải được ít nhất hai phần ba số đảng viên chính thức hoặc thành viên của tổ chức đảng đó nhất trí đề nghị và được sự nhất trí của trên một nửa số thành viên tổ chức đảng cấp trên có thẩm quyền quyết định.

+ Trường hợp giải tán tổ chức đảng phải được ít nhất hai phần ba số thành viên cấp uỷ cấp trên trực tiếp đề nghị, cấp uỷ cấp trên cách một cấp quyết định với sự đồng ý của trên một nửa số thành viên.

+ Một nửa hay hai phần ba quy định ở trên được tính trên tổng số đảng viên chính thức hoặc thành viên có quyền biểu quyết của tổ chức đảng, không tính trên số thành viên có mặt trong cuộc họp:

(a) Ở chi bộ là tổng số đảng viên chính thức (trừ số đảng viên bị đình chỉ sinh hoạt đảng, bị khởi tố, tạm giam, truy tố, đảng viên đã được giới thiệu sinh hoạt tạm thời ở đảng bộ khác và đảng viên đã được miễn công tác, sinh hoạt đảng không có mặt tại cuộc họp); nếu đảng viên được giới thiệu sinh hoạt tạm thời, đảng viên đã được miễn công tác, sinh hoạt đảng đó có mặt ở cuộc họp, tham gia biểu quyết thì vẫn tính;

(b) Ở cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ hoặc uỷ ban kiểm tra là tổng số cấp uỷ viên, uỷ viên ban thường vụ hoặc tổng số thành viên uỷ ban kiểm tra đương nhiệm (trừ số thành viên đã chuyển sinh hoạt đảng tạm thời không có mặt tại hội nghị, bị đình chỉ sinh hoạt đảng, bị khởi tố, tạm giam, truy tố).

7. Quy trình thi hành kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên

Hiện nay, có 02 quy trình thi hành kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm:

(1) Quy trình thi hành kỷ luật đảng của cấp ủy tỉnh và tương đương đến cơ sở theo Quyết định số 89-QĐ/TW, ngày 01/12/2022 của Ban Bí thư ban hành quy trình về công tác kiểm tra, giám sát, giải quyết tố cáo, giải quyết khiếu nại kỷ luật của cấp ủy tỉnh và tương đương đến cơ sở (Quyết định số 89);

(2) Quy trình xem xét, thi hành kỷ luật của UBKT các cấp theo Quyết định số 354-QĐ/TW, ngày 22/12/2021 của UBKT Trung ương ban hành các quy trình thực hiện kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng (Quyết định số 354).

7.1. Quy trình thi hành kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm của cấp ủy tỉnh đến cơ sở (theo Quyết định số 89)

7.1.1. Bước chuẩn bị

- Thành lập đoàn kiểm tra và xây dựng kế hoạch thi hành kỷ luật:

+ Căn cứ kết luận kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm của tổ chức đảng có thẩm quyền hoặc đề nghị thi hành kỷ luật của tổ chức đảng cấp dưới, kết quả nắm tình hình, ban thường vụ cấp ủy hoặc cấp ủy giao ủy ban kiểm tra hoặc cơ quan, đơn vị giúp việc cấp ủy tham mưu thành lập đoàn kiểm tra thi hành kỷ luật (sau đây gọi là đoàn kiểm tra); kế hoạch thi hành kỷ luật đối với tổ chức đảng, đảng viên vi phạm (sau đây gọi là đối tượng vi phạm)

+ Thường trực cấp ủy ký, ban hành quyết định, kế hoạch thi hành kỷ luật. Trưởng đoàn kiểm tra là cấp ủy viên do ban thường vụ phân công, nơi không có ban thường vụ thì cấp ủy phân công (đối với cấp cơ sở và tương đương: Trưởng đoàn có thể là lãnh đạo các đơn vị hoặc đảng viên được giao nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cấp ủy). Đoàn kiểm tra được sử dụng con dấu của cấp ủy để thực hiện nhiệm vụ.

- Đoàn kiểm tra xây dựng đề cương báo cáo yêu cầu đối tượng vi phạm kiểm điểm; lịch làm việc của đoàn kiểm tra; quy chế hoạt động của đoàn kiểm tra và phân công nhiệm vụ từng thành viên; chuẩn bị các văn bản, tài liệu liên quan.

- Văn phòng cấp ủy bảo đảm điều kiện cần thiết, kinh phí, phương tiện phục vụ đoàn kiểm tra thực hiện nhiệm vụ theo quy định (nếu có).

7.1.2. Bước tiến hành

- Đoàn kiểm tra hoặc đại diện đoàn kiểm tra triển khai quyết định, kế hoạch thi hành kỷ luật với đối tượng vi phạm và đại diện tổ chức đảng quản lý đảng viên; thống nhất lịch làm việc và yêu cầu đối tượng vi phạm chuẩn bị báo cáo kiểm điểm theo đề cương gợi ý, cung cấp các hồ sơ, tài liệu; các tổ chức, cá nhân có liên quan

phối hợp thực hiện. Căn cứ tình hình thực tiễn, việc triển khai quyết định có thể thực hiện theo hình thức trực tuyến hoặc gửi văn bản.

- Đối tượng vi phạm chuẩn bị kiểm điểm bằng văn bản và hồ sơ, tài liệu có liên quan gửi cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ (qua đoàn kiểm tra).

- Đoàn kiểm tra thẩm tra, xác minh:

+ Đoàn kiểm tra nghiên cứu bản kiểm điểm, hồ sơ, tài liệu; làm việc với đối tượng vi phạm và các tổ chức, cá nhân có liên quan; thẩm tra, xác minh những nội dung chưa rõ. Nếu phát hiện có nội dung vi phạm mới hoặc cần điều chỉnh, bổ sung về nội dung, thời gian, đối tượng vi phạm hoặc cần giám định về chuyên môn, kỹ thuật thì trưởng đoàn báo cáo ban thường vụ cấp uỷ hoặc cấp uỷ xem xét, quyết định.

+ Đoàn kiểm tra xây dựng dự thảo báo cáo xem xét, đề nghị thi hành kỷ luật:

(1) Trường hợp thi hành kỷ luật theo kết luận kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm: Căn cứ đối tượng, nội dung vi phạm, trưởng đoàn kiểm tra yêu cầu các cấp uỷ có liên quan tổ chức hội nghị để đoàn kiểm tra thông báo kết luận kiểm tra, thực hiện quy trình kiểm điểm, đề nghị thi hành kỷ luật. Tổ chức đảng tổ chức hội nghị chủ trì và ghi biên bản; Hội nghị nghe đoàn kiểm tra thông báo kết luận kiểm tra, đối tượng vi phạm trình bày bản kiểm điểm, tự nhận hình thức kỷ luật; hội nghị thảo luận, bỏ phiếu biểu quyết đề nghị hình thức kỷ luật.

(2) Trường hợp thi hành kỷ luật theo đề nghị của tổ chức đảng cấp dưới: Đoàn kiểm tra làm việc với tổ chức đảng đề nghị thi hành kỷ luật để làm rõ những nội dung vi phạm và những vấn đề còn khác nhau giữa báo cáo đề nghị của tổ chức đảng với kết quả thẩm tra, xác minh trước khi báo cáo tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét, bỏ phiếu biểu quyết quyết định hình thức kỷ luật hoặc đề nghị hình thức kỷ luật.

Căn cứ đề nghị thi hành kỷ luật của tổ chức đảng cấp dưới, cấp uỷ hoặc ban thường vụ cấp uỷ giao cho uỷ ban kiểm tra hoặc cơ quan, đơn vị tham mưu giúp việc của cấp uỷ xây dựng báo cáo đề nghị thi hành kỷ luật, tham mưu cho cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ xem xét, thi hành kỷ luật (không làm quy trình, thủ tục từ dưới lên).

Đoàn kiểm tra phối hợp văn phòng cấp uỷ báo cáo thường trực cấp uỷ quyết định thời gian tổ chức hội nghị cấp uỷ hoặc ban thường vụ cấp uỷ, thành phần tham dự; gửi báo cáo đề nghị thi hành kỷ luật đến các đồng chí uỷ viên ban thường vụ hoặc cấp uỷ viên theo quy chế làm việc.

7.1.3. Bước kết thúc

- Tổ chức hội nghị ban thường vụ cấp uỷ hoặc cấp uỷ xem xét, kết luận:

+ Trước khi ban thường vụ cấp uỷ hoặc cấp uỷ họp xem xét, thi hành kỷ luật, đại diện cấp uỷ hoặc trưởng đoàn kiểm tra gặp đại diện tổ chức đảng hoặc đảng viên vi phạm để nghe trình bày ý kiến và báo cáo (kèm theo bản tự kiểm điểm của đối tượng vi phạm) tại kỳ họp của ban thường vụ cấp uỷ hoặc cấp uỷ. Nếu thuộc thẩm quyền cấp uỷ kết luận thì ban thường vụ cấp uỷ cho ý kiến chỉ đạo trước khi đoàn kiểm tra trình cấp uỷ.

+ Tại hội nghị, đoàn kiểm tra báo cáo đề nghị thi hành kỷ luật; đại diện tổ chức đảng, đảng viên vi phạm trực tiếp trình bày ý kiến hoặc có văn bản báo cáo với cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ.

+ Ban thường vụ cấp uỷ hoặc cấp uỷ xem xét, kết luận; biểu quyết quyết định hình thức kỷ luật hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định thi hành kỷ luật đối tượng vi phạm.

- Đoàn kiểm tra phối hợp với văn phòng cấp uỷ hoàn chỉnh quyết định kỷ luật hoặc xây dựng báo cáo, tờ trình đề nghị tổ chức đảng có thẩm quyền thi hành kỷ luật, trình thường trực cấp uỷ ký, ban hành. Trường hợp đảng viên vi phạm là thành viên trong cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội thì cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ thông báo đến tổ chức đảng trong các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền chỉ đạo thi hành kỷ luật về hành chính, đoàn thể kịp thời, đồng bộ với kỷ luật đảng.

- Đại diện ban thường vụ cấp uỷ công bố quyết định kỷ luật đến đối tượng vi phạm và các tổ chức, cá nhân có liên quan. Căn cứ tình hình thực tiễn, việc công bố quyết định kỷ luật có thể thực hiện theo hình thức trực tuyến hoặc gửi văn bản.

- Đoàn kiểm tra họp rút kinh nghiệm; kiến nghị, đề xuất với cấp uỷ hoặc ban thường vụ cấp uỷ (nếu có); hoàn thiện hồ sơ, bàn giao cho văn phòng cấp uỷ lưu trữ theo quy định.

- Giao uỷ ban kiểm tra cấp uỷ cùng cấp và đồng chí cấp uỷ viên theo dõi địa bàn, lĩnh vực đôn đốc, giám sát đối tượng vi phạm chấp hành quyết định thi hành kỷ luật.

7.2. Quy trình xem xét, thi hành kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm của UBKT các cấp (theo Quyết định số 354)

7.2.1. Bước chuẩn bị

- Căn cứ kết luận kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm của uỷ ban kiểm tra hoặc hồ sơ đề nghị thi hành kỷ luật của tổ chức đảng cấp dưới và kết quả nắm tình hình, cán bộ theo dõi địa bàn đề xuất, báo cáo (bằng văn bản) với thường trực uỷ ban kiểm tra (uỷ ban kiểm tra nơi không có thường trực uỷ ban kiểm tra) việc xem xét, thi hành kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm (sau đây gọi là đối tượng vi phạm);

thành lập đoàn kiểm tra (dự thảo quyết định thành lập đoàn kiểm tra, kế hoạch xem xét, thi hành kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm.

- Thường trực ủy ban hoặc ủy ban kiểm tra xem xét, ban hành quyết định và kế hoạch xem xét, thi hành kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm.

- Đoàn kiểm tra xây dựng lịch làm việc, quy chế hoạt động và phân công nhiệm vụ cho các thành viên đoàn, gợi ý nội dung kiểm điểm cho tổ chức đảng, đảng viên vi phạm; chuẩn bị văn bản, tài liệu có liên quan.

7.2.2. Bước tiến hành

- Thành viên ủy ban được phân công chỉ đạo và đoàn kiểm tra hoặc đại diện đoàn kiểm tra làm việc với đối tượng vi phạm và đại diện tổ chức đảng quản lý đối tượng vi phạm để triển khai quyết định, kế hoạch xem xét, thi hành kỷ luật; thống nhất lịch làm việc, yêu cầu đối tượng vi phạm chuẩn bị bản kiểm điểm, cung cấp hồ sơ, tài liệu; đề nghị chỉ đạo các tổ chức đảng và đảng viên có liên quan phối hợp với đoàn kiểm tra. Trường hợp cần thiết, triển khai theo hình thức họp trực tuyến hoặc gửi văn bản theo đường công văn.

- Đoàn kiểm tra nghiên cứu tài liệu, làm việc với đối tượng vi phạm về những nội dung cần bổ sung vào bản kiểm điểm hoặc thẩm tra, xác minh, làm việc trực tiếp với đại diện tổ chức đảng hoặc đảng viên vi phạm hoặc có liên quan để xác định lại và làm rõ về các nội dung vi phạm. Xây dựng dự thảo báo cáo đề nghị thi hành kỷ luật:

+ Trường hợp xử lý, thi hành kỷ luật theo kết luận kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm: Căn cứ đối tượng vi phạm, nội dung vi phạm, trường đoàn kiểm tra yêu cầu tổ chức hội nghị ở các tổ chức đảng có liên quan (từ cấp chi bộ trở lên; hội nghị của tổ chức đảng nào thì tổ chức đảng đó chủ trì, ghi biên bản) để đoàn kiểm tra thông báo kết luận kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm; đại diện tổ chức đảng hoặc đảng viên vi phạm trình bày bản kiểm điểm, tự nhận hình thức kỷ luật; hội nghị thảo luận, bỏ phiếu biểu quyết đề nghị hình thức kỷ luật.

+ Trường hợp xử lý, kỷ luật theo đề nghị của tổ chức đảng cấp dưới: Đoàn kiểm tra làm việc với tổ chức đảng đề nghị thi hành kỷ luật về những nội dung vi phạm và những vấn đề còn khác nhau giữa kết luận của tổ chức đảng đề nghị thi hành kỷ luật với kết quả thẩm tra, xác minh, để làm rõ vi phạm của đối tượng, trước khi bỏ phiếu đề nghị hình thức kỷ luật. Trường hợp cần thiết, căn cứ theo đề nghị xem xét, xử lý kỷ luật của tổ chức đảng cấp dưới, thường trực ủy ban hoặc ủy ban kiểm tra giao cho vụ hoặc đơn vị tham mưu cho ủy ban xem xét, thi hành kỷ luật theo thẩm quyền. Nếu phát hiện có nội dung vi phạm mới hoặc cần bổ sung, điều chỉnh về nội dung, thời gian, đối tượng vi phạm hoặc có vấn đề chuyên môn, kỹ thuật cần giám

định thì trưởng đoàn báo cáo thành viên ủy ban chỉ đạo đề báo cáo thường trực ủy ban xem xét, quyết định.

- Đoàn kiểm tra tiếp tục thẩm tra, xác minh những vấn đề chưa rõ (nếu có); hoàn chỉnh dự thảo báo cáo đề nghị thi hành kỷ luật; trao đổi ý kiến với người đứng đầu (đơn vị theo dõi địa bàn, nhưng không phải là trưởng đoàn hoặc thành viên đoàn kiểm tra) về báo cáo kết quả xem xét, đề nghị thi hành kỷ luật; báo cáo xin ý kiến đồng chí thành viên ủy ban chỉ đạo đoàn, thường trực ủy ban (nếu cần), trước khi trình ủy ban kiểm tra xem xét, thi hành kỷ luật.

- Trước khi ủy ban họp xem xét, thi hành kỷ luật, thành viên ủy ban kiểm tra gặp đại diện tổ chức đảng hoặc đảng viên vi phạm nghe trình bày ý kiến (kèm theo bản tự kiểm điểm của đối tượng vi phạm) và báo cáo ủy ban kiểm tra hoặc đại diện tổ chức đảng vi phạm, đảng viên vi phạm trực tiếp trình bày ý kiến với ủy ban kiểm tra tại hội nghị xem xét, thi hành kỷ luật.

7.2.3. Bước kết thúc

- Ủy ban kiểm tra xem xét, kết luận:

- + Đoàn kiểm tra báo cáo kết quả xem xét, đề nghị thi hành kỷ luật; trình bày đầy đủ ý kiến của đối tượng vi phạm và tổ chức đảng có liên quan.

- + Ủy ban kết luận, biểu quyết quyết định kỷ luật hoặc đề nghị tổ chức đảng có thẩm quyền quyết định thi hành kỷ luật đối với đối tượng vi phạm.

- Đoàn kiểm tra hoàn chỉnh báo cáo đề nghị thi hành kỷ luật; phối hợp với (đơn vị hoặc cán bộ tổng hợp) hoàn chỉnh quyết định thi hành kỷ luật của ủy ban hoặc xây dựng báo cáo, tờ trình đề nghị tổ chức đảng có thẩm quyền thi hành kỷ luật đối tượng vi phạm; báo cáo thành viên ủy ban chỉ đạo đoàn trước khi trình thường trực ủy ban ký, ban hành.

- Thành viên ủy ban chỉ đạo và đại diện đoàn kiểm tra công bố quyết định kỷ luật theo thẩm quyền hoặc ủy ban ủy quyền cho tổ chức đảng có thẩm quyền công bố quyết định kỷ luật đến đối tượng vi phạm và tổ chức đảng có liên quan. Trường hợp cần thiết, triển khai theo hình thức họp trực tuyến hoặc gửi văn bản theo đường công văn.

- Đoàn kiểm tra họp rút kinh nghiệm; trưởng đoàn có văn bản nhận xét, đánh giá từng thành viên đoàn kiểm tra, gửi người đứng đầu các đơn vị có cán bộ tham gia đoàn; lập hồ sơ và nộp lưu trữ theo quy định.

- Vụ địa bàn, đơn vị, cán bộ theo dõi địa bàn giám sát việc chấp hành kết luận, quyết định của ủy ban.

8. Hiệu lực quyết định kỷ luật

- Quyết định kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên vi phạm có hiệu lực kể từ ngày ký (trừ quyết định kỷ luật thuộc thẩm quyền của chi bộ).

- Quyết định khiển trách, cảnh cáo đối với đảng viên vi phạm của chi bộ có hiệu lực ngay sau khi chi bộ công bố kết quả biểu quyết quyết định kỷ luật. Trong vòng 10 ngày, chi bộ ban hành quyết định kỷ luật giao cho đảng viên bị kỷ luật, báo cáo cấp trên và lưu hồ sơ. Quyết định kỷ luật của chi bộ (trong đảng bộ bộ phận, trong đảng bộ cơ sở), của uỷ ban kiểm tra đảng uỷ cơ sở được đóng dấu của đảng uỷ cơ sở vào phía trên, góc trái. Đảng uỷ cơ sở hoặc cấp uỷ cấp trên trực tiếp không phải ra quyết định chuẩn y.

- Tổ chức đảng có thẩm quyền sau khi ký quyết định kỷ luật phải kịp thời công bố (trực tiếp hoặc uỷ quyền cho tổ chức đảng cấp dưới công bố) chậm nhất 10 ngày kể từ ngày ký. Tổ chức đảng cấp dưới được uỷ quyền chậm nhất 5 ngày kể từ ngày nhận được uỷ quyền phải công bố quyết định cho tổ chức đảng, đảng viên bị kỷ luật hoặc khiếu nại kỷ luật. Nếu quá hạn trên phải báo cáo ngay với cấp có thẩm quyền quyết định.

- Đề nghị của cấp dưới về kỷ luật cách chức, khai trừ đối với đảng viên và giải tán đối với tổ chức đảng nếu chưa được tổ chức đảng có thẩm quyền quyết định và công bố thì đảng viên đó vẫn được sinh hoạt đảng, sinh hoạt cấp uỷ, tổ chức đảng đó vẫn được hoạt động.

- Quyết định của cấp dưới về kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên vi phạm phải báo cáo lên cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra cấp trên trực tiếp; nếu đảng viên vi phạm tham gia nhiều cơ quan lãnh đạo của Đảng thì phải báo cáo các cơ quan lãnh đạo cấp trên mà đảng viên đó là thành viên.

- Quyết định của cấp trên về kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên vi phạm phải được thông báo đến cấp dưới, nơi có tổ chức đảng và đảng viên vi phạm; trường hợp cần thông báo rộng hơn thì do cấp uỷ có thẩm quyền quyết định.

- Quyết định kỷ luật đối với tổ chức đảng hoặc đảng viên vi phạm phải được giao cho tổ chức đảng và đảng viên vi phạm để chấp hành. Nếu cần thông báo rộng hơn thì do cấp uỷ hoặc tổ chức đảng có thẩm quyền kỷ luật đối với tổ chức đảng, đảng viên quyết định.

- Phạm vi thông báo các quyết định thi hành kỷ luật đối với đảng viên là cấp uỷ viên các cấp, cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý do cấp uỷ hoặc ban thường vụ cấp uỷ quản lý đảng viên đó quyết định.

- Đảng viên bị kỷ luật khiển trách, cảnh cáo, cách chức (bao gồm cả chức vụ do đại hội, cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra bầu, do chỉ định hoặc bổ nhiệm), trong vòng một năm kể từ ngày quyết định có hiệu lực, không được quy hoạch, không được bầu vào cấp uỷ, không được chỉ định, bổ nhiệm vào các chức vụ tương đương và cao hơn.

- Sau một năm kể từ ngày công bố quyết định kỷ luật (trừ quyết định kỷ luật khai trừ đối với đảng viên hoặc quyết định kỷ luật giải tán đối với tổ chức đảng), nếu tổ chức đảng, đảng viên không tái phạm hoặc không có vi phạm mới đến mức phải xử lý kỷ luật thì quyết định kỷ luật đương nhiên chấm dứt hiệu lực.

- Trường hợp quyết định thay đổi hình thức kỷ luật thì thời hạn chấp hành kỷ luật được tính từ ngày quyết định kỷ luật đầu tiên có hiệu lực.

9. Kỷ luật đối với đảng viên vi phạm pháp luật

- Khi cơ quan có thẩm quyền ra quyết định giữ, bắt, khám xét khẩn cấp, khởi tố bị can hoặc bản án có hiệu lực pháp luật đối với công dân là đảng viên thì chậm nhất là 3 ngày, thủ trưởng cơ quan đó có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho tổ chức đảng trực tiếp quản lý đảng viên đó.

- Đảng viên bị khởi tố, truy tố hoặc bị tạm giam hoặc do cơ quan thanh tra, kiểm toán cung cấp nội dung vi phạm pháp luật thì tổ chức đảng có thẩm quyền chủ động, kịp thời kiểm tra, kết luận và xem xét, xử lý kỷ luật đảng viên có vi phạm đến mức phải xử lý, không chờ kết luận hoặc tuyên án của toà án hoặc kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm toán; không cần quyết định cho đảng viên, cấp uỷ viên trở lại sinh hoạt mới xem xét, xử lý kỷ luật. Sau khi có bản án hoặc quyết định của toà án hoặc kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm toán, nếu thấy cần thiết, tổ chức đảng có thẩm quyền kỷ luật xem xét lại việc kỷ luật đảng đối với đảng viên đó.

- Đảng viên bị tuyên phạt thấp hơn hình phạt cải tạo không giam giữ thì tổ chức đảng có thẩm quyền căn cứ nội dung, tính chất, mức độ, hậu quả, nguyên nhân vi phạm, tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ để xem xét, xử lý kỷ luật cho phù hợp.

- Đảng viên có hành vi vi phạm pháp luật mà cơ quan bảo vệ pháp luật kết luận chưa đến mức xử lý hình sự hoặc đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự; đã có kết quả xử lý đối với đảng viên có hành vi phạm tội bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thì cơ quan bảo vệ pháp luật phải có văn bản thông báo cho cấp uỷ, tổ chức đảng trực tiếp quản lý đảng viên trong thời hạn 15 ngày sau khi có quyết định về hình thức xử lý hành vi vi phạm pháp luật đó theo quy định của pháp luật.

- Đảng viên có vi phạm bị truy nã, tạm giam hoặc bị toà án tuyên phạt tù hình phạt cải tạo không giam giữ trở lên thì tổ chức đảng có thẩm quyền quyết định khai trừ hoặc xoá tên trong danh sách đảng viên (đối với đảng viên dự bị), không phải

theo quy trình thi hành kỷ luật. Tổ chức đảng có thẩm quyền quyết định khai trừ hoặc xoá tên đảng viên thông báo bằng văn bản cho chi bộ nơi đảng viên sinh hoạt và các tổ chức đảng nơi đảng viên đó là thành viên. Đảng viên, cấp uỷ viên bị toà án tuyên phạt hình phạt thấp hơn hình phạt cải tạo không giam giữ, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét lại quyết định xử lý kỷ luật theo đúng quy định.

- Trường hợp đảng viên bị truy nã, tạm giam hoặc bị toà án tuyên phạt tù hình phạt cải tạo không giam giữ trở lên thì cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ hoặc uỷ ban kiểm tra báo cáo đề xuất (bằng văn bản) để tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét, quyết định kỷ luật, không phải làm quy trình, thủ tục từ dưới lên, không phải bỏ phiếu kín.

Đối với đảng viên bị khởi tố, truy tố trong thời gian chờ xét xử, tổ chức đảng có thẩm quyền căn cứ kết luận, kiến nghị của các cơ quan tố tụng để xem xét, kết luận và xử lý kỷ luật (không phải gặp đảng viên).

- Trong quá trình kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án các vụ án, vụ việc tham nhũng, kinh tế, nếu phát hiện vi phạm pháp luật liên quan đến cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý thì người đứng đầu cấp uỷ của các cơ quan, đơn vị phải báo cáo ngay cho đồng chí Phó trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực là Thường trực Ban Bí thư, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Trưởng Ban Nội chính Trung ương để tham mưu cho đồng chí Tổng Bí thư, Trưởng Ban Chỉ đạo chỉ đạo xử lý; đồng thời chuyển ngay hồ sơ, tài liệu liên quan đến Ủy ban Kiểm tra Trung ương để kiểm tra, xử lý theo quy định của Đảng.

- Đảng viên bị kết án oan, sai đã được toà án quyết định huỷ bỏ bản án hoặc thay đổi mức án, cơ quan có thẩm quyền đình chỉ vụ án thì các tổ chức đảng có thẩm quyền phải kịp thời xem xét lại quyết định kỷ luật đối với đảng viên đó, kể cả trường hợp đã chết.

10. Việc thi hành kỷ luật đảng trong một số trường hợp cụ thể

10.1. Trường hợp đề nghị xem xét lại hình thức kỷ luật

Trường hợp tổ chức đảng có thẩm quyền kết luận kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm tổ chức đảng, đảng viên có vi phạm chưa đến mức phải xử lý kỷ luật hoặc đã báo cáo đề nghị thi hành kỷ luật nhưng tổ chức đảng có thẩm quyền chưa ban hành quyết định kỷ luật mà phát hiện có thêm tình tiết liên quan đến vi phạm kỷ luật hoặc hành vi vi phạm khác của đảng viên thì tổ chức đảng có thẩm quyền chỉ đạo, thực hiện kiểm tra, thẩm tra, xác minh để bổ sung kết luận kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, tiếp tục đề nghị xem xét, thi hành kỷ luật bổ sung.

10.2. Trường hợp rút hồ sơ thi hành kỷ luật của tổ chức đảng cấp dưới

Trường hợp tổ chức đảng cấp dưới không xem xét, xử lý kỷ luật hoặc xử lý kỷ luật không đúng mức, thì cán bộ kiểm tra đề nghị tổ chức đảng hoặc UBKT có thẩm quyền rút hồ sơ, nghiên cứu, báo cáo đề xuất ban hành quyết định xem xét, thi hành kỷ luật. Sau khi có quyết định, đoàn kiểm tra thực hiện quy trình xem xét, đề nghị thi hành kỷ luật; khi báo cáo đề nghị thi hành kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm, đồng thời đề nghị cấp uỷ hoặc UBKT có thẩm quyền xem xét trách nhiệm của tổ chức đảng cấp dưới và người đứng đầu tổ chức đảng không xem xét, xử lý kỷ luật hoặc xử lý kỷ luật không đúng mức.

11. Một số vi phạm điển hình qua kết quả thi hành kỷ luật đảng

11.1. Vi phạm của tổ chức đảng

Tổng hợp số liệu kết quả thi hành kỷ luật tổ chức đảng, cho thấy vi phạm bị xử lý kỷ luật tập trung vào các nội dung chính sau⁵:

- Vi phạm trong việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận, hướng dẫn của Đảng.
- Vi phạm trong việc chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước.
- Vi phạm trong việc chấp hành các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, giữ gìn đoàn kết nội bộ, quy chế làm việc, chế độ công tác, thực hiện dân chủ trong Đảng.
- Vi phạm trong việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; quản lý, rèn luyện phẩm chất, đạo đức, lối sống của đảng viên.
- Vi phạm trong việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện cải cách hành chính, cải cách tư pháp.
- Vi phạm trong việc lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan bảo vệ pháp luật trong công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án.
- Vi phạm trong công tác cán bộ; giải quyết khiếu nại, tố cáo.
- Nguyên nhân dẫn đến các vi phạm của tổ chức đảng:

⁵ Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, cấp uỷ các cấp thi hành kỷ luật theo thẩm quyền 1.539 tổ chức đảng (trong đó: Khiển trách: 1.096; Cảnh cáo: 44). UBKT các cấp thi hành kỷ luật 619 tổ chức đảng, trong đó: (1) UBKT Trung ương thi hành kỷ luật theo thẩm quyền 266 tổ chức đảng (Khiển trách 95, Cảnh cáo 171); uỷ quyền/giao BTV, UBKT đảng uỷ trực thuộc Trung ương xem xét, xử lý kỷ luật 118 tổ chức đảng có vi phạm; giao BTV tỉnh uỷ, tỉnh uỷ ban hành quyết định thi hành kỷ luật 40 tổ chức đảng; (2) UBKT các địa phương thi hành kỷ luật 353 tổ chức đảng (Khiển trách 363, Cảnh cáo 256).

Tổ chức đảng chưa nhận thức đúng và đầy đủ vai trò, vị trí, tầm quan trọng của việc thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, Quy chế làm việc; người đứng đầu không có quan điểm chính kiến trong thảo luận, thống nhất quyết định về chủ trương, nghị quyết nên kết luận của hội nghị chưa phản ánh đúng bản chất, trí tuệ của tập thể, còn mang tính dân chủ hình thức hoặc lợi dụng cơ chế dân chủ để lồng ghép ý đồ cá nhân để vụ lợi. Tổ chức đảng không phân định được rõ thẩm quyền, trách nhiệm dẫn đến lúng túng, buông lỏng lãnh đạo, chỉ đạo để chính quyền, cơ quan, đơn vị xảy ra sai phạm hoặc chuyên quyền, lấn sân, bao biện, làm thay việc của chính quyền, cơ quan, gây mất dân chủ, cản trở, giảm tính chủ động của hoạt động chính quyền, cơ quan, đơn vị.

Để xảy ra các vi phạm cũng có trách nhiệm của tổ chức đảng, đảng viên được giao thẩm quyền giám sát khi không thực hiện hết trách nhiệm, chưa sâu sát với địa bàn để nhắc nhở, cảnh báo các khuyết điểm, vi phạm ngay từ ban đầu giúp tổ chức đảng kịp thời khắc phục hoặc báo cáo, đề xuất với ủy ban kiểm tra để thực hiện giám sát chuyên đề với mục đích cảnh báo, giúp đỡ sửa chữa khuyết điểm, vi phạm không để vi phạm nhỏ tích tụ thành sai phạm dẫn đến phải xử lý kỷ luật.

11.2. Vi phạm của đảng viên

Tổng hợp số liệu kết quả thi hành kỷ luật đối với đảng viên cho thấy vi phạm bị xử lý kỷ luật tập trung vào các nội dung chính sau⁶:

- Vi phạm những điều đảng viên không được làm.
 - Vi phạm tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên.
 - Vi phạm trong việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên, nhiệm vụ cấp ủy viên.
 - Vi phạm trong việc chấp hành nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước.
 - Vi phạm trong việc chấp hành quy chế làm việc, nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ công tác.
 - Vi phạm về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, trách nhiệm nêu gương.
 - Vi phạm trong việc kê khai tài sản, thu nhập; tham nhũng, cố ý làm trái.
 - Nguyên nhân chủ quan dẫn đến vi phạm của cán bộ đảng viên:
- + Suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống: Đây được coi là nguyên

⁶ Từ đầu nhiệm kỳ XIII đến nay, cấp ủy các cấp thi hành kỷ luật theo thẩm quyền 75.905 đảng viên (trong đó: Khiển trách 55.927; Cảnh cáo: 11.001; Cách chức: 1.468; Khai trừ 2.509). UBKT các cấp thi hành kỷ luật 22.829 đảng viên, trong đó: (1) UBKT Trung ương thi hành kỷ luật theo thẩm quyền 602 đảng viên (Khiển trách: 212, Cảnh cáo 290, Cách chức 25, Khai trừ 75); ủy quyền/giao BTV, UBKT đảng ủy trực thuộc Trung ương xem xét, xử lý kỷ luật 359 đảng viên có vi phạm; giao BTV tỉnh ủy, thành ủy xem xét, xử lý kỷ luật 57 đảng viên; (2) UBKT các địa phương thi hành kỷ luật 22.829 đảng viên (Khiển trách 9.238, Cảnh cáo 4.474, Cách chức 217, Khai trừ 8.900).

nhân gốc rễ, sâu xa nhất của mọi vi phạm. Một bộ phận cán bộ, đảng viên, trong đó có cả cán bộ lãnh đạo, quản lý, đã phai nhạt lý tưởng cách mạng, thiếu tu dưỡng, rèn luyện bản thân, sa vào chủ nghĩa cá nhân, vị kỷ, thực dụng, cơ hội, đặt lợi ích cá nhân, lợi ích nhóm lên trên lợi ích tập thể, lợi ích quốc gia, dân tộc.

+ Cô ý làm trái vì động cơ vụ lợi: Đây là nguyên nhân trực tiếp, phổ biến dẫn đến các hành vi tham nhũng, tiêu cực. Đối tượng lợi dụng chức vụ, quyền hạn, lợi dụng sơ hở của cơ chế, chính sách để trục lợi cá nhân hoặc lợi ích nhóm.

+ Thiếu trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật: Một số cán bộ nhất là cán bộ cấp cơ sở thiếu trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật dẫn đến sự tùy tiện, làm việc tắc trách, thiếu tinh thần trách nhiệm trong thực thi công vụ; không chấp hành nghiêm các nguyên tắc của tổ chức đảng, quy chế làm việc, quy trình công tác bộ.

+ Năng lực, trình độ chuyên môn hạn chế: Một số ít cán bộ, đảng viên do hạn chế về năng lực nhận thức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, không nắm vững hoặc cố tình hiểu sai các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, dẫn đến việc ra quyết định hoặc thực thi nhiệm vụ sai lầm.

12. Một số hạn chế trong thực hiện nhiệm vụ thi hành kỷ luật

12.1. Đối với cán bộ kiểm tra

- Chỉ căn cứ vào kết luận thanh tra, kiểm toán, điều tra, cán bộ kiểm tra được giao tham mưu báo cáo, đề nghị tổ chức đảng hoặc ủy ban kiểm tra các cấp có thẩm quyền quyết định xem xét, thi hành kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên có liên quan.

- Gợi ý kiểm điểm không sát với nội dung kết luận kiểm tra hoặc khi nhận bản kiểm điểm thiếu kiểm tra, không yêu cầu tổ chức đảng, đảng viên vi phạm viết lại bản tự kiểm điểm không đạt yêu cầu, thiếu nội dung kiểm điểm, không nhận hình thức kỷ luật. Không thu thập lý lịch đảng viên vi phạm, không phối hợp với cơ quan tổ chức cán bộ thu thập đầy đủ những lần đảng viên đã bị thi hành kỷ luật, hình thức kỷ luật.

- Ghi biên bản, các kết luận đề nghị kiểm điểm, xem xét thi hành kỷ luật, thiếu trách nhiệm, thiếu tập trung, không ghi đầy đủ diễn biến cuộc làm việc, ý kiến của tổ chức đảng, đảng viên vi phạm hoặc đảng viên có liên quan, dẫn đến khi viết báo cáo kết quả xem xét, đề nghị thi hành kỷ luật thì tài liệu, chứng cứ không đầy đủ. Không nhận đủ hồ sơ đề nghị thi hành kỷ luật của các tổ chức đảng cấp dưới sau hội nghị kiểm điểm hoặc tài liệu trong hồ sơ là bản photo. Không lập và lưu trữ hồ sơ cuộc xem xét, thi hành kỷ luật.

- Cử thành viên đoàn kiểm tra có quan hệ họ hàng với đảng viên vi phạm bị xử lý kỷ luật. Không chỉ đạo, thực hiện thẩm tra xác minh với tổ chức đảng, đảng viên

có liên quan khi nội dung vi phạm chưa rõ hoặc tổ chức đảng, đảng viên vi phạm có ý kiến. Thiếu kiểm tra, đôn đốc để cuộc xem xét, thi hành kỷ luật vượt quá thời gian thực hiện theo kế hoạch.

12.2. Đối với tổ chức đảng

- Việc phát hiện tổ chức đảng, đảng viên có dấu hiệu vi phạm chậm, quyết định kiểm tra không kịp thời, nên khi kết luận, chuyển sang quy trình xem xét, thi hành kỷ luật hình thức cụ thể đã hết thời hiệu, làm giảm tính răn đe, giáo dục.

- Trong cùng một vụ việc vi phạm, nhưng xem xét, thi hành kỷ luật hình thức kỷ luật đảng viên chưa đảm bảo công bằng, còn hiện tượng “nhẹ trên, nặng dưới”; chỉ xử lý cán bộ tham mưu, cho kiểm điểm cán bộ lãnh đạo quản lý, trực tiếp chỉ đạo...

- Hình thức xử lý kỷ luật chưa thực sự tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả của vi phạm; trong xử lý các vụ việc có tính chất tương tự hoặc có sự khác biệt ở các địa phương, đơn vị khác nhau; việc đánh giá hậu quả phi vật chất (như ảnh hưởng đến uy tín của Đảng, Nhà nước, niềm tin của Nhân dân) chưa được xem xét một cách thấu đáo, đầy đủ khi quyết định hình thức kỷ luật.

- Đại diện tổ chức đảng có thẩm quyền không nghe đảng viên vi phạm trình bày ý kiến hoặc có nghe đảng viên vi phạm trình bày ý kiến nhưng không báo cáo đầy đủ khi tổ chức đảng họp xem xét, quyết định kỷ luật.

- Đề nghị thi hành kỷ luật khai trừ khi kết quả biểu quyết đề nghị thi hành kỷ luật dưới 2/3 số đảng viên chính thức hoặc thành viên của tổ chức đảng đó.

C. CHẾ ĐỘ LẬP VÀ QUẢN LÝ HỒ SƠ

Hồ sơ bao gồm toàn bộ các văn bản, các tài liệu của chủ thể và đối tượng kiểm tra, giám sát bao gồm bản kiểm điểm, các biên bản họp hội nghị của các tổ chức có liên quan, các phiếu, biên bản kiểm phiếu ở từng hội nghị; tất cả các tài liệu thẩm tra xác minh thu thập được; các gợi ý báo cáo và các báo cáo giải trình; các quyết định, các thông báo kết luận, các báo cáo về việc thực hiện thông báo kết luận (các tài liệu này phải là bản gốc hoặc có xác nhận xuất xứ cung cấp). Các hồ sơ, tài liệu phải được sắp xếp khoa học, dễ tra cứu, dễ sử dụng. Hồ sơ được quản lý theo chế độ bảo mật theo quy định. Cùng với việc lập và quản lý hồ sơ thông thường, phải thực hiện việc số hóa toàn bộ hồ sơ theo quy định.

D. THẢO LUẬN, THỰC HÀNH

1. Nêu khái niệm, mục đích, ý nghĩa, tác dụng, tính chất của kỷ luật đảng.
2. Trình bày phương châm, nguyên tắc, thẩm quyền thi hành kỷ luật đảng.

3. Trình bày cách thức, trình tự, thủ tục tiến hành một vụ xem xét, thi hành kỷ luật đảng viên vi phạm.

E. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam.
2. Quy định số 22-QĐ/TW, ngày 28/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương quy định về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng.
3. Quy định số 24-QĐ/TW, ngày 30/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về thi hành Điều lệ Đảng.
4. Quy định số 37-QĐ/TW, ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về những điều đảng viên không được làm.
5. Quyết định số 354-QĐ/UBKTTW, ngày 22/12/2021 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương ban hành các quy trình thực hiện kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng.
6. Quy định số 69-QĐ/TW, ngày 06/07/2022 của Bộ Chính trị về kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm.
7. Quyết định số 89-QĐ/TW, ngày 01/12/2022 của Ban Bí thư ban hành quy trình kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng, giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng của cấp ủy tỉnh và tương đương đến cơ sở.
8. Quy định số 294-QĐ/TW, ngày 26/05/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về thi hành Điều lệ Đảng.
9. Quy định số 296-QĐ/TW, ngày 30/05/2025 của Ban Chấp hành Trung ương quy định về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng.
10. Quyết định số 165-QĐ/TW, ngày 06/6/2025 của Bộ Chính trị ban hành Quy trình xem xét, thi hành kỷ luật đối với tổ chức đảng, đảng viên thuộc thẩm quyền Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.
11. Kết luận số 21-KL/TW, ngày 25/10/2021 của Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”.
12. Hướng dẫn số 02-HD/TW, ngày 19/12/2021 của Ban Bí thư hướng dẫn thực hiện một số nội dung Quy định số 22-QĐ/TW, ngày 28/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương quy định về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng.

13. Hướng dẫn số 05-HD/UBKTTW, ngày 22/11/2022 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương thực hiện một số điều trong Quy định số 69-QĐ/TW, ngày 06/07/2022 của Bộ Chính trị về kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm.

14. Hướng dẫn số 02-HD/UBKTTW, ngày 22/11/2022 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương thực hiện Quy định về những điều đảng viên không được làm.

15. Hướng dẫn số 08-HD/TW, ngày 10/6/2025 của Ban Bí thư hướng dẫn thực hiện một số nội dung Quy định số 296-QĐ/TW, ngày 30/05/2025 của Ban Chấp hành Trung ương quy định về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng.

16. Ủy ban Kiểm tra Trung ương: Hỏi - Đáp về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng - NXB. Lao động- 2016.

17. Ủy ban Kiểm tra Trung ương: Công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng, tài liệu nghiệp vụ dùng cho cấp trên cơ sở, NXB Tài chính, Hà Nội 2012.

18. Ủy ban Kiểm tra Trung ương: Công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng, Tài liệu nghiệp vụ dùng cho cấp trên cơ sở, NXB Chính trị quốc gia, Sự thật, Hà Nội 2017.